

SỐ VÀ ĐẠI SỐ

BÀI 5: THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH

1. Thứ tự thực hiện các phép tính.

a. Đối với biểu thức không có dấu ngoặc

- Nếu phép tính chỉ có cộng, trừ hoặc chỉ có nhân, chia ta thực hiện phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.
- Nếu phép tính có cả cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa, ta thực hiện phép nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân chia, cuối cùng đến cộng trừ.

Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân chia $\rightarrow$ Cộng trừ

Ví dụ:

- $36 - 10 + 23 = 26 + 23 = 49.$
- $2 \cdot 6^2 - 24 = 2 \cdot 36 - 24 = 72 - 24 = 48$

b. Đối với biểu thức có dấu ngoặc

- Nếu biểu thức có các dấu ngoặc: ngoặc tròn (), ngoặc vuông [], ngoặc nhọn { }, ta thực hiện phép tính theo thứ tự: **() $\rightarrow$ [] $\rightarrow$ { }**

Ví dụ:

$$\begin{aligned} & 100 : \{2 \cdot [52 - (35 - 8)]\} \\ &= 100 : \{2 \cdot [52 - 27]\} \\ &= 100 : \{2 \cdot 25\} \\ &= 100 : 500 \\ &= 2 \end{aligned}$$

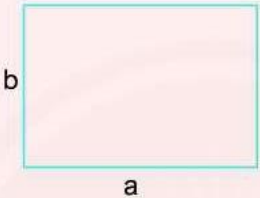
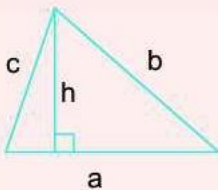
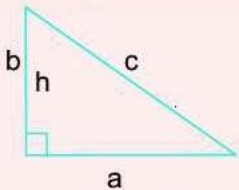
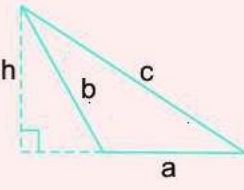
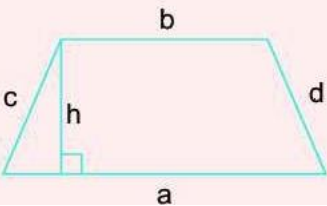
2. Sử dụng máy tính cầm tay. Tham khảo SGK.

HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

BÀI 3: CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ HÌNH TRONG THỰC TIỄN

1. Nhắc lại về chu vi và diện tích một số hình đã học.

Quy ước: P là chu vi; S là diện tích.

Hình chữ nhật		$P = (a + b) \cdot 2$ $S = a \cdot b$
Hình vuông		$P = a \cdot 4$ $S = a \cdot a$
Hình tam giác	  	$P = a + b + c$ $S = \frac{a \cdot h}{2}$
Hình thang		$P = a + b + c + d$ $S = \frac{(a + b) \cdot h}{2}$

2. Tính diện tích hình bình hành, hình thoi.

Diện tích hình bình hành có độ dài một cạnh a, và chiều cao tương ứng h: $S = a \cdot h$

Diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo là m và n là: $S = \frac{m \cdot n}{2}$

3. Tính diện tích và chu vi một số hình trong thực tiễn.

Tham khảo Ví dụ 3 trang 91 Sách giáo khoa Toán 6 Chân Trời Sáng Tạo.